TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số G, ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long;

- Bà Ngô Bích H, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Số G, ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long; nơi đang cư trú: ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành cùng ngày 26 tháng 5 năm 2026, người yêu cầu đã thống nhất các vấn đề sau đây:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Ngô Bích H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hợp; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay ông P và bà H cùng xác định, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho ông P và bà H thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông P và bà H đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Ông P và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Hưng P1, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 và Nguyễn Hưng P2, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2017. Hai con chung hiện nay đang sống cùng bà H. Sau khi ly hôn, bà H trực tiếp nuôi 02 con chung, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông P và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung. Về nợ chung: Ông P và bà H cùng xác định ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông P và bà H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Ngô Bích H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hưng P1, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 và Nguyễn Hưng P2, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2017 cho bà Ngô Bích H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông P và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông P và bà H cùng xác định ông bà không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông P và bà H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008212 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- UBND xã Châu Hưng, tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền